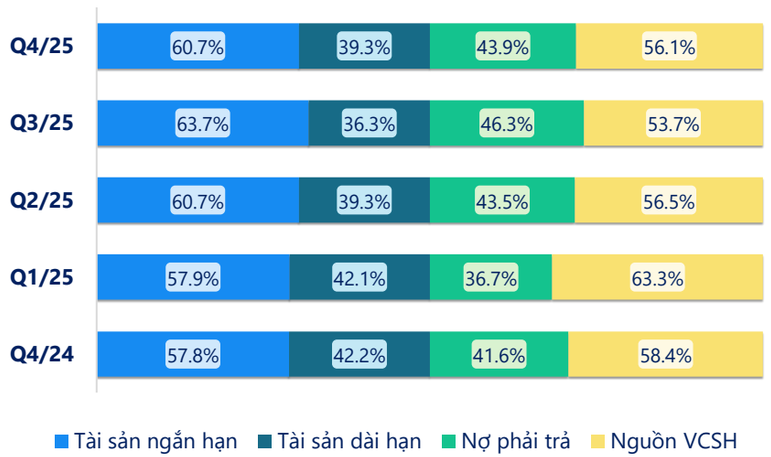
FireAnt

CTCP Tư Vấn Xây Dựng Điện 3 (HNX: TV3)

Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	18,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	18,700
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	10,055
SL cổ phiếu LH	9,517,289
KLGD BQ 20 phiên (CP)	595
% sở hữu nước ngoài	0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	176
P/E	12.6
EPS	1,468

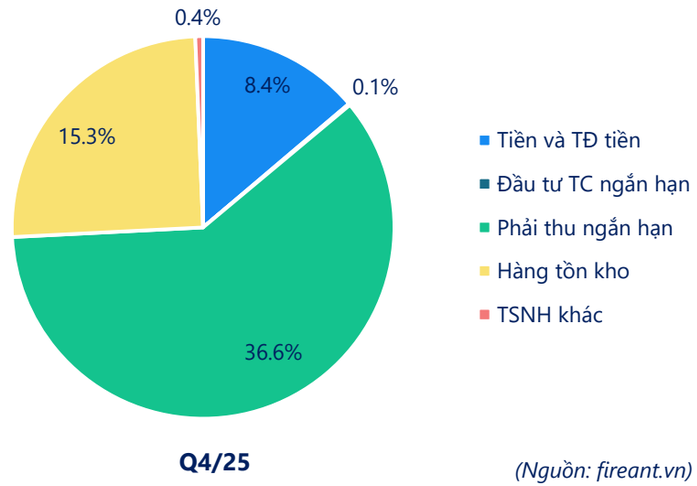
	YTD	1T	3T	6T
TV3	71.0%	23.3%	-1.1%	68.0%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



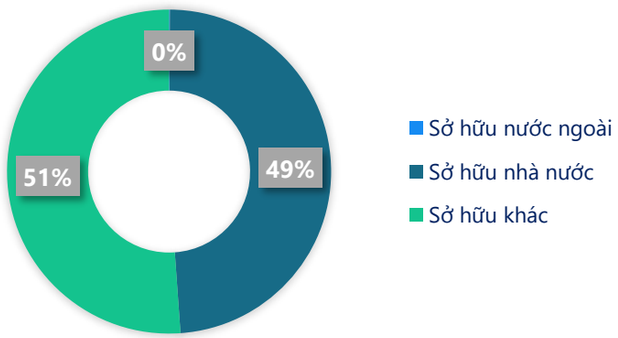
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



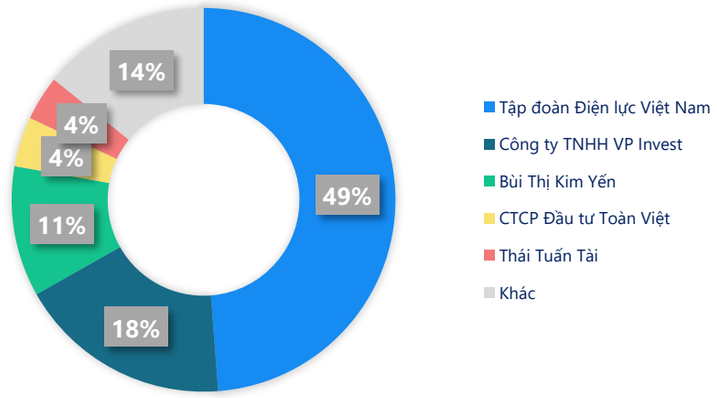
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



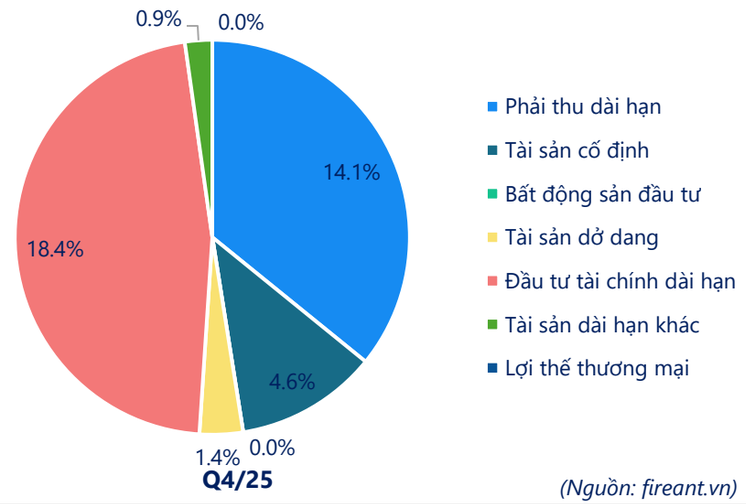
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

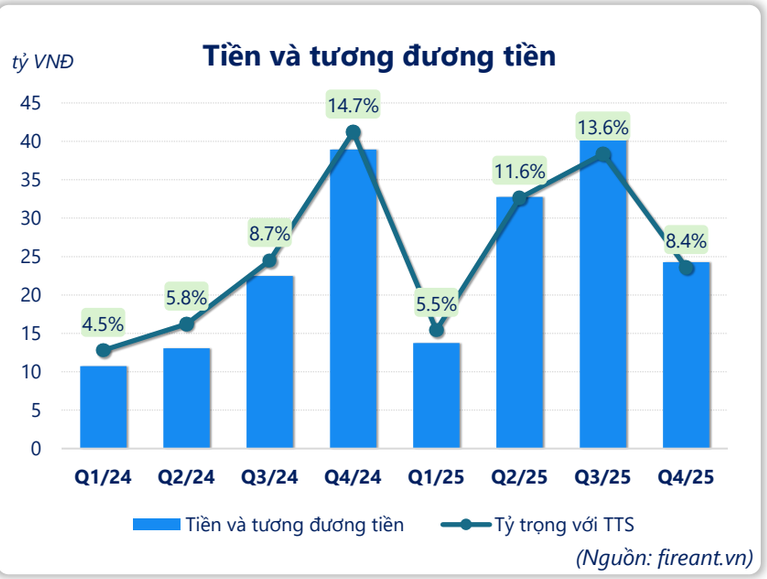
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



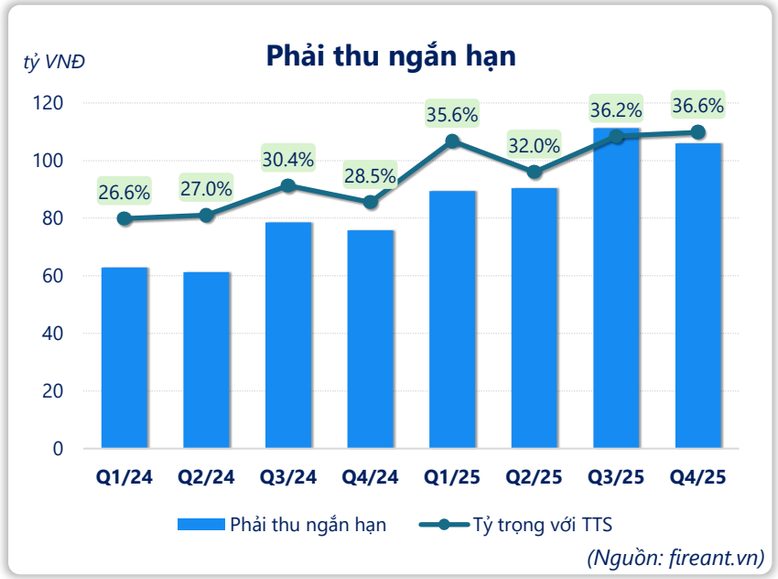
(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

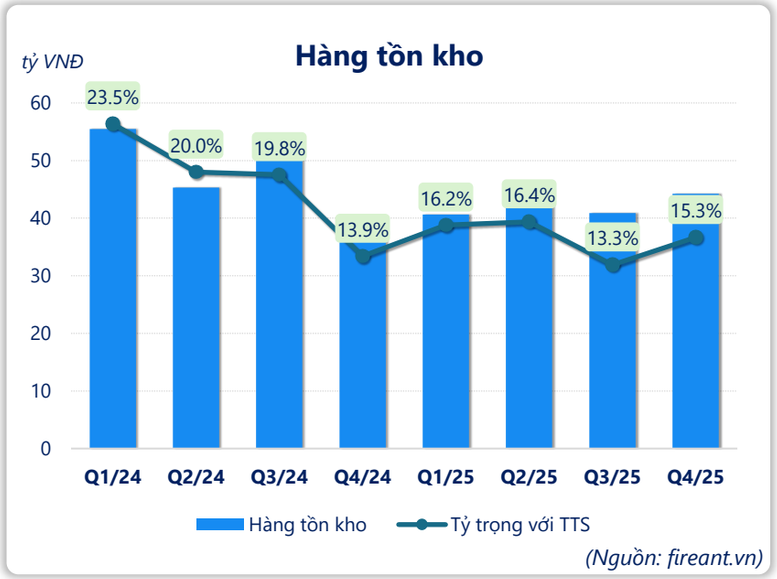
CTCP Tư Vấn Xây Dựng Điện 3 (HNX: TV3)



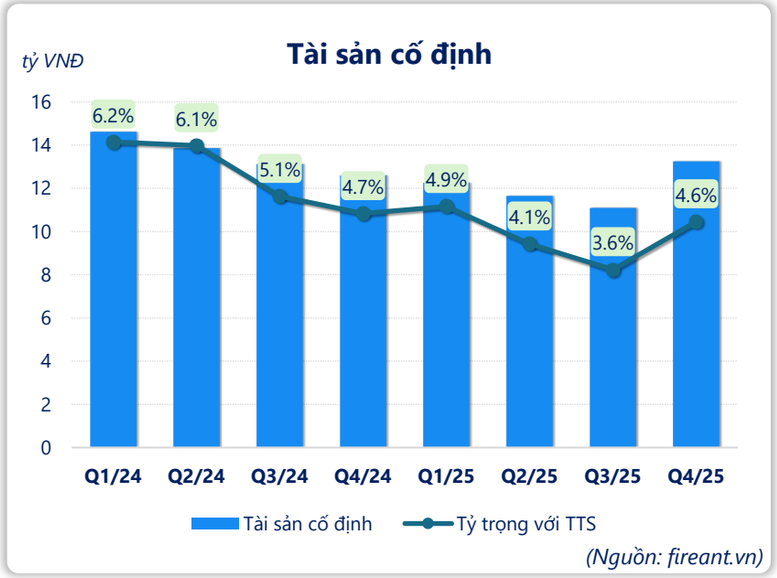
(Nguồn: fireant.vn)



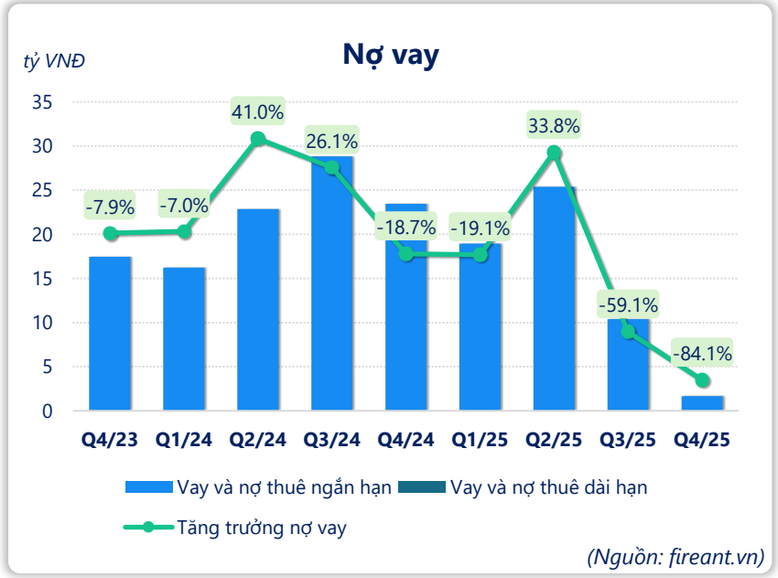
(Nguồn: fireant.vn)



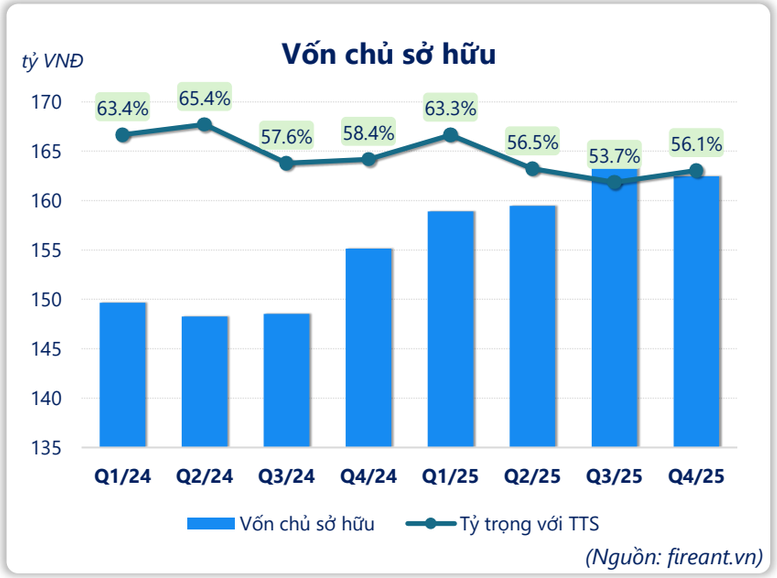
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)

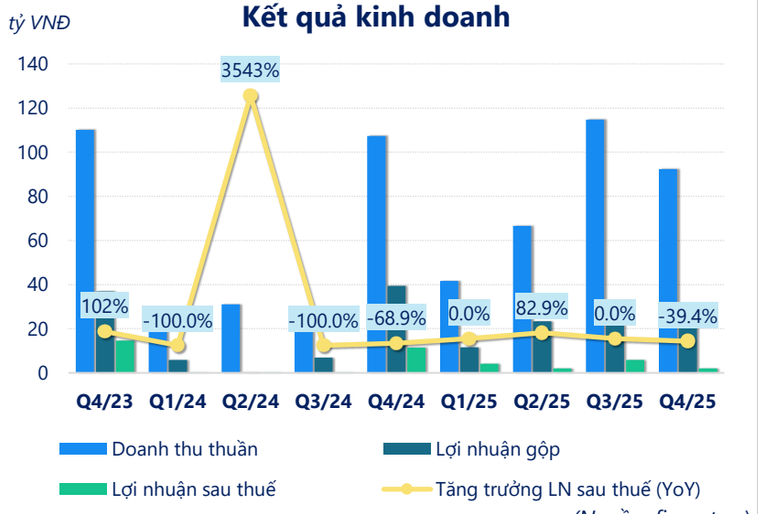


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

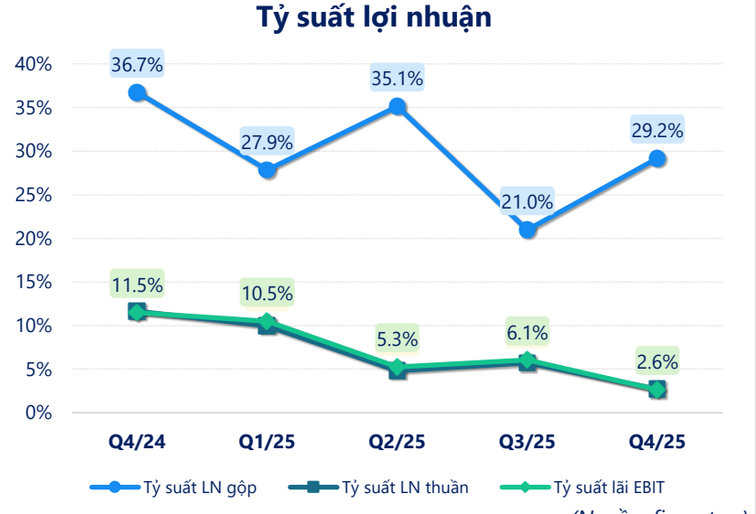
CTCP Tư Vấn Xây Dựng Điện 3 (HNX: TV3)

Kết quả kinh doanh



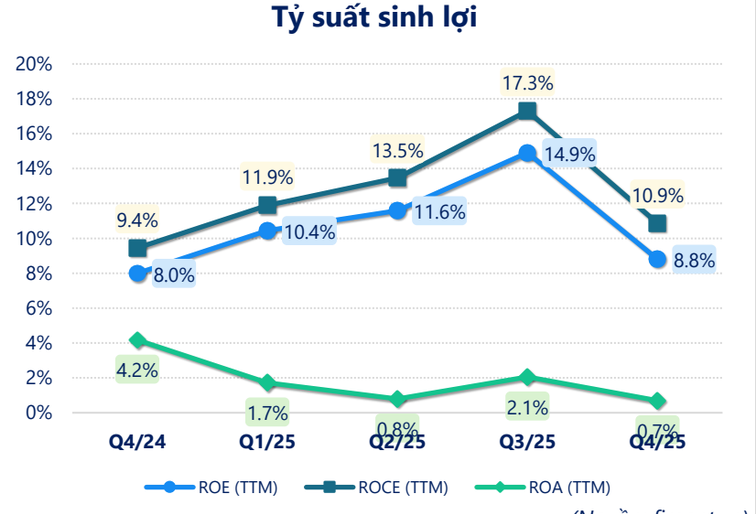
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



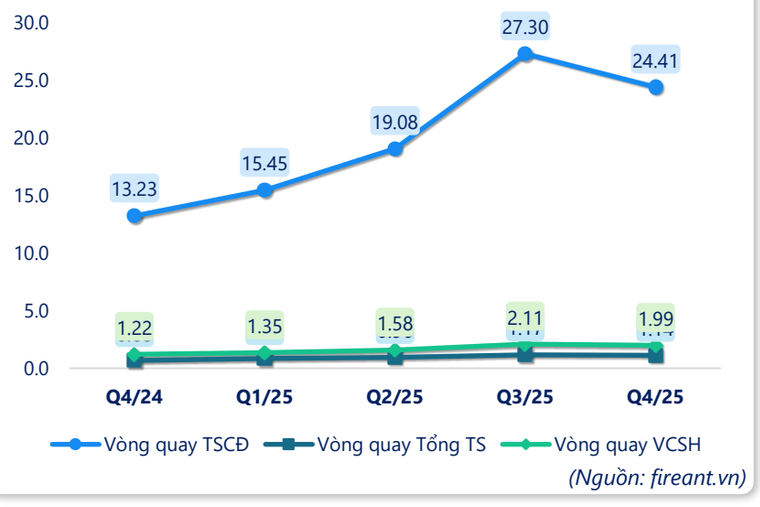
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



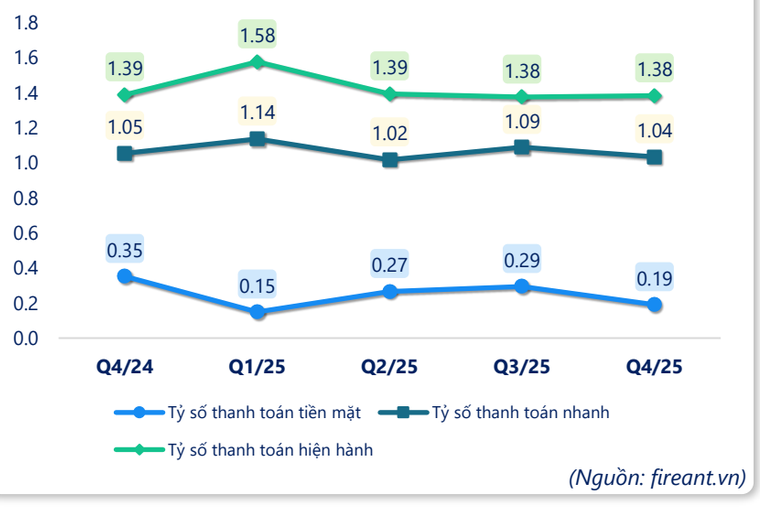
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



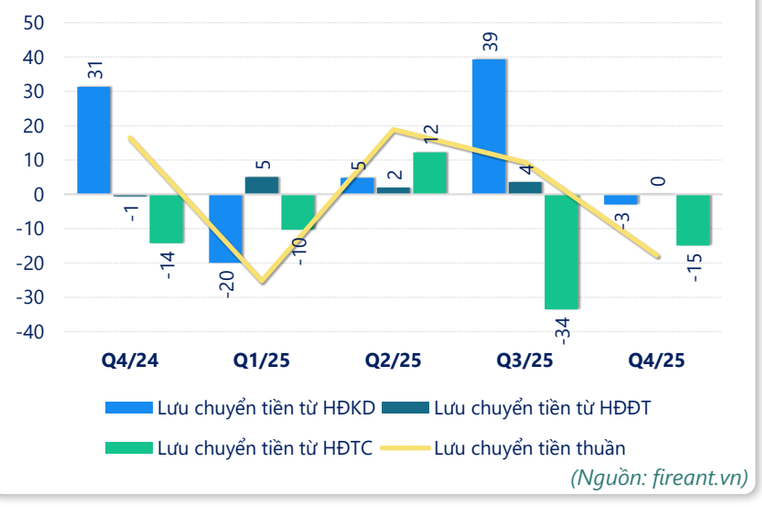
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

FireAnt

CTCP Tư Vấn Xây Dựng Điện 3 (HNX: TV3)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**290**	**266**	**9.0%**
Tài sản ngắn hạn	176	154	14.5%
Tiền và tương đương tiền	24.3	38.9	-37.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.22	0.22	0.0%
Phải thu ngắn hạn	106	76.0	39.5%
Hàng tồn kho	44.2	36.6	20.7%
Tài sản ngắn hạn khác	1.15	1.73	-33.4%
Tài sản dài hạn	**114**	**112**	**1.4%**
Phải thu dài hạn	40.8	44.4	-8.1%
Tài sản cố định	13.2	12.6	5.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	4.04	1.37	194%
Đầu tư tài chính dài hạn	53.2	53.2	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**2.54**	**0.64**	**300%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	127	111	14.6%
Nợ ngắn hạn	**127**	**111**	**14.6%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1.65	23.4	-92.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	13.5	15.4	-12.1%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**162**	**155**	**5.0%**
Vốn chủ sở hữu	**162**	**155**	**5.0%**
Vốn điều lệ	95.2	95.2	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	107	41.6	66.7	115	92.3
Giá vốn hàng bán	67.9	30.0	43.2	90.7	65.4
Lợi nhuận gộp	39.4	11.6	23.4	24.1	27.0
Doanh thu HĐTC	0.64	5.09	2.93	5.59	0.49
Chi phí TC	0.61	0.45	1.22	0.54	0.36
Chi phí lãi vay	0.22	0.18	0.32	0.31	0.05
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	5.54	3.39	7.39	3.67	6.94
Chi phí QLDN	21.4	8.71	14.5	18.9	17.6
LN thuần từ HĐKD	12.5	4.14	3.21	6.55	2.50
Lợi nhuận khác	-0.39	0.05	-0.02	0.09	-0.11
LN trước thuế	12.1	4.18	3.19	6.64	2.39
Lợi nhuận sau thuế	11.4	4.18	2.03	5.82	1.94
LNST của CĐ cty mẹ	11.4	4.18	2.03	5.82	1.94

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	31.3	-19.9	4.76	39.3	-2.96
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.56	5.06	1.96	3.55	0.21
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-14.2	-10.3	12.2	-33.5	-14.9
Tiền đầu kỳ	22.5	38.9	13.8	32.7	42.0
Lưu chuyển tiền thuần	**16.5**	**-25.2**	**18.9**	**9.33**	**-17.7**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0.11	-0.11	0
Tiền cuối kỳ	38.9	13.8	32.7	42.0	24.3

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic